

Số: 720/BC-SLĐTBXH

Trà Vinh, ngày 13 tháng 4 năm 2022

**BÁO CÁO**

**Công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện  
dự toán ngân sách nhà nước Quý I năm 2022**

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 2861/QĐ-UBND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân tỉnh Trà Vinh về việc giao chỉ tiêu kế hoạch kinh tế – xã hội và dự toán ngân sách năm 2022;

Sở Lao động – Thương binh và Xã hội báo cáo công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước Quý 1 năm 2022 như sau:

**2. Công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách nhà nước Quý 1 năm 2022:**

**3. Nội dung công khai**

Công khai thực hiện dự toán chi ngân sách nhà nước Quý 1/2022 theo Biểu số 3 – Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính.

**4. Hình thức công khai**

Niêm yết công khai trên website của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tỉnh Trà Vinh <https://sldtbvvh.travinh.gov.vn> mục Công khai ngân sách.

**5. Thời điểm công khai:** Ngày 13/4/2022.

**6. Thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước quý 1 năm 2022:**

**2. Số thu giao đầu năm 2022: 32.000.000 đồng**

**-Tổng số thu phí, lệ phí:**

Dự toán thu lệ phí cấp giấy phép cho lao động nước ngoài giao đầu năm: 32.000.000 đồng

Thu trong Quý 1/2022: 1.650.000 đồng đạt 5,16 % so với dự toán giao trong năm tăng 0,66% so với cùng kỳ năm 2021.

**2. Dự toán chi ngân sách nhà nước:**

**a. Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ**

- Kinh phí tự chủ giao đầu năm 2022: 14.609.110.000 đồng
- Kinh phí tự chủ giao bổ sung trong năm: đồng
- Kinh phí tự chủ giảm trong năm 2022: đồng
- Tổng kinh phí tự chủ được sử dụng trong năm: 14.609.110.000 đồng
- Tổng kinh phí tự chủ đã sử dụng trong Quý 1: 1.515.130.000 đồng, đạt 10,37% so với dự toán và giảm 11,25% so với cùng kỳ Quý 1/2021.

**b. Kinh phí thực hiện chế độ không tự chủ**

- Kinh phí không tự chủ giao đầu năm 2022: 33.246.968.000 đồng
- Kinh phí không tự chủ giao bổ sung trong năm: đồng
- Kinh phí không tự chủ giảm trong năm 2022: đồng
- Tổng kinh phí không tự chủ được sử dụng trong năm: 33.246.968.000 đồng
- Tổng kinh phí không tự chủ đã sử dụng trong Quý 1: 8.612.000.000 đồng, đạt 25,90% so với dự toán và tăng 0,14% so với cùng kỳ Quý 1/2021.

Trên đây là báo cáo tình hình công khai thực hiện dự toán ngân sách Quý 1/2022 của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội./.

**Nơi nhận:**

- Sở Tài chính
- Lưu: VT, VP.



**GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Văn Út



Đơn vị: Sở Lao động - TBXH

Chương: 424

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Trà Vinh, ngày 13 tháng 4 năm 2022

**CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ I NĂM 2022**

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Sở Lao động - Thương binh và Xã hội công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách quý I/2022 như sau:

Đvt: triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý I năm 2022	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý I/2022 so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
<b>A</b>	<b>Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí</b>	<b>32,00</b>	<b>1,65</b>	<b>5,16</b>	<b>0,66</b>
<b>I</b>	<b>Số thu phí, lệ phí</b>	<b>32,00</b>	<b>1,65</b>	<b>5,16</b>	<b>0,66</b>
1	Lệ phí	32,00	1,65	5,16	0,66
	Lệ phí cấp giấy phép cho lao động nước ngoài	32,00	1,65	5,16	0,66
2	Phí				
	Phí giới thiệu việc làm				
<b>II</b>	<b>Chi từ nguồn thu phí được để lại</b>				
	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
<b>III</b>	<b>Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước</b>	<b>32,00</b>	<b>1,65</b>	<b>5,16</b>	<b>0,66</b>
1	Lệ phí	32,00	1,65	5,16	0,66
	Lệ phí cấp giấy phép cho lao động nước ngoài	32,00	1,65	5,16	0,66
2	Phí				
	Phí giới thiệu việc làm				
<b>B</b>	<b>Dự toán chi ngân sách nhà nước</b>				
<b>I</b>	<b>Nguồn ngân sách trong nước</b>				
1	Chi bảo đảm xã hội	47.856,08	10.127,23	21,16	-16,61
1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	14.609,11	1.515,13	10,37	-11,25
	- Văn phòng Sở	6.891,00	1.453,44	21,09	-0,75
	- Trung tâm Bảo trợ xã hội	5.682,12	51,90	0,91	-19,06
	- Cơ sở Cai nghiện ma túy	2.035,99	9,79	0,48	-24,20
1.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	33.246,97	8.612,10	25,90	0,14
	- Văn phòng Sở	19.529,08	4.612,21	23,62	-33,04
	- Trung tâm Bảo trợ xã hội	6.559,88	2.416,27	36,83	23,73
	- Cơ sở Cai nghiện ma túy	5.285,01	1.263,20	23,90	1,96
	- Hội Bảo trợ Người khuyết tật và Nạn nhân chất độc da cam/Dioxin	1.027	226,05	22,01	5,07
	- Văn phòng BCĐ giảm nghèo	846	94,37	11,15	2,93